TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN HIỆP** TỈNH KIÊN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **01**/2020/HNGĐST
Ngày 29-4-2020
V/v tranh chấp "Xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN HIỆP, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lê Minh Đạo**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Ngô Rô Be**

2. Bà **Phan Thị Trúc Phương**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Kim Chi -** Thư ký Tòa án Nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang

- K***iểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:*** Bà **Lê Thị Bích Thủy**

Ngày 29 tháng 4 năm 2020, tại trụ sở Tòa án Nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 02/2020/TLST–HNGĐ ngày 03 tháng 01 năm 2020 về tranh chấp "Xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2020/QĐXXST–HNGĐ ngày 25 tháng 02 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh **Huỳnh Minh K** – sinh năm 1984 (có mặt)

Địa chỉ: số 29, khu phố Đ, thị trấn T, huyện T, tỉnh Kiên Giang.

- *Bị đơn:* Chị **Nguyễn Thị Kiều T** – sinh năm 1985 (vắng mặt lần 2, không lý do)

HKTT: số 29, khu phố Đ, thị trấn T, huyện T, tỉnh Kiên Giang.

Tạm trú: ấp Đ, xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn anh Huỳnh Minh K trình bày:***

Anh và chị Nguyễn Thị Kiều T chung sống với nhau vào ngày 15/8/2009, tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn T, huyện T, tỉnh Kiên Giang ngày

13/8/2009. Vợ chồng có tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán địa phương. Trước khi cưới, vợ chồng tìm hiểu nhau trước khoảng 12 tháng mới tiến tới hôn nhân, hôn nhân tự nguyện, không bị cưỡng ép.

Sau khi cưới vợ chồng chung sống ở nhà cha mẹ chồng được một thời gian rồi ra ở riêng tại ấp Đ, xã T. Quá trình chung sống đến tháng 7/2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm với nhau trong cuộc sống, không hiểu nhau, anh K hay đi nhậu, về đến nhà thì say xỉn, không phụ giúp gia đình, dẫn đến vợ chồng cự cãi, bất hòa. Anh K nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể chung sống với nhau được nữa, mục đích hôn nhân không đạt được. Anh K và chị T đã ly thân với nhau từ tháng 7/2019 đến nay.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung:

1. Huỳnh Khánh B - sinh ngày 10/02/2011

Cháu đã có giấy khai sinh và hiện đang sống chung với chị T.

- Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, anh K yêu cầu:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Anh K yêu cầu được ly hôn với chị T.

- *Về con chung:* Anh K xin giao cháu Huỳnh Khánh B cho chị T nuôi dưỡng, anh K không cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung:* Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung:* Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**** Bị đơn chị Nguyễn Thị Kiều T trình bày:***

Chị và anh Huỳnh Minh K chung sống với nhau vào năm 2009, tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn T, huyện T, tỉnh Kiên Giang ngày 13/08/2009. Vợ chồng có tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán địa phương. Trước khi cưới, vợ chồng tìm hiểu nhau trước khoảng 12 tháng mới tiến tới hôn nhân, hôn nhân tự nguyện, không bị cưỡng ép.

Quá trình chung sống vợ chồng đôi khi cũng xảy ra tranh cãi nhưng không lớn, chưa đến mức phải ly hôn, vợ chồng vẫn đang chung sống bình thường. Nay chị T nhận thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn nên không đồng ý ly hôn. Chị T muốn có thời gian để vợ chồng tự hòa giải, hàn gắn.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung:

1. Huỳnh Khánh B - sinh ngày 10/02/2011

Cháu đã có giấy khai sinh và hiện đang sống chung với chị T.

- Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Tòa án, chị T yêu cầu:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị T không đồng ý ly hôn với anh K, muốn vợ chồng đoàn tụ để cùng nhau nuôi dưỡng, chăm sóc con cái.

- *Về quan hệ con chung:* Trong trường hợp Tòa án cho ly hôn thì chị T xin được nuôi con, không yêu cầu anh K cấp dưỡng.

- *Về tài sản chung:* Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung:* Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**** Phát biểu của Kiểm sát viên Viện kiểm sát Nhân dân huyện Tân Hiệp tham gia phiên tòa:***

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng:

+ Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử được thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Việc tuân theo pháp luật tại phiên tòa: Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn của mình quy định tại Điều 51 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

+ *Về quan hệ hôn nhân:* Đề nghị chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Huỳnh Minh K.

+ *Về quan hệ con chung:* Đề nghị giao cháu Huỳnh Khánh B - sinh ngày 10/02/2011 cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Anh Huỳnh Minh K không phải cấp dưỡng nuôi con. Anh chị có quyền xin thay đổi việc nuôi con chung.

- *Về tài sản chung và nợ chung:* Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về thủ tục tố tụng: Yêu cầu khởi kiện của anh Huỳnh Minh K được quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp.

Chị Nguyễn Thị Kiều T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng tại phiên tòa hôm nay chị T vắng mặt không có lý do. Ngoài ra, tại phiên tòa anh K yêu cầu Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị T. Vì vậy, Hội đồng xét xử thống nhất căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt chị Nguyễn Thị Kiều T.

Xét yêu cầu xin ly hôn và giao con cho chị Nguyễn Thị Kiều T nuôi dưỡng của anh Huỳnh Minh K, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ hôn nhân:* Xét thấy, anh Huỳnh Minh K và chị Nguyễn Thị Kiều T chung sống với nhau được Uỷ ban Nhân dân thị trấn T, huyện T, tỉnh Kiên Giang cấp Giấy Chứng nhận kết hôn số 12/2009, quyển số I/2009, ngày 13/8/2009 đúng theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Do đó, Hội đồng xét xử thống nhất công nhận đây là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của anh Huỳnh Minh K: Xét thấy, trong quá trình chung sống, thời gian đầu anh K và chị T chung sống hạnh phúc. Đến năm 2018 thì vợ chồng anh chị phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm với nhau trong cuộc sống, vợ chồng hay cự cãi, không hiểu nhau, không tìm thấy tiếng nói chung. Anh K nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể chung sống với nhau được nữa, mục đích hôn nhân không đạt được. Theo Biên bản xác minh ngày 21/02/2020 của Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang thì đại diện Ban lãnh đạo khu phố Đ cho biết là vợ chồng anh K, chị T ở tại địa phương được một thời gian rồi về bên nhà cha mẹ chị T sinh sống; đến giữa năm 2019 thì anh K dẫn con là cháu Huỳnh Khánh B về lại địa phương sinh sống, chứ chị T không về ở chung; còn nguyên nhân mâu thuẫn giữa anh K và chị T thì địa phương không nắm rõ vì anh chị không thường xuyên sinh sống tại địa phương. Đồng thời, theo Biên bản xác minh ngày 21/02/2020 của Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang thì đại diện Ban lãnh đạo ấp Đ, xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang cho biết anh K, chị T có chung sống tại địa phương nhưng không có đăng ký hộ khẩu thường trú, từ khi vợ chồng anh chị về địa phương sinh sống thì không nghe nói anh chị có mâu thuẫn gì, địa phương cũng không thấy anh chị cự cãi lớn tiếng; còn nguyên nhân mâu thuẫn giữa anh K, chị T như thế nào thì địa phương không nắm rõ. Xét thấy, anh K và chị T đã ly thân với nhau từ tháng 7/2019 đến nay, mỗi người ở một nơi, không còn quan tâm đến nhau, dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn như trước, mục đích hôn nhân không đạt được. Chính vì thế, việc anh K yêu cầu được ly hôn với chị T là có cơ sở chấp nhận.

[2] *Về quan hệ con chung:* Xét thấy, theo biên bản tiếp xúc, ghi nhận nguyện vọng của cháu Huỳnh Khánh B thì nguyện vọng của cháu Khánh B là muốn được ở với mẹ là chị Nguyễn Thị Kiều T. Mặt khác, chị T cũng trình bày là trong trường hợp Tòa án cho ly hôn thì chị yêu cầu được nuôi cháu Khánh B. Do vậy, yêu cầu giao con cho chị T nuôi dưỡng của anh K là có căn cứ.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Do chị T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử miễn xét. Nếu sau này chị T có yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con thì có thể khởi kiện thành

một vụ kiện khác.

[3] *Về tài sản chung:* Anh K và chị T xác nhận vợ chồng có tài sản chung nhưng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[4] *Về nợ chung:* Anh K và chị T xác nhận vợ chồng không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[5] Từ những nhận định trên, căn cứ Điều 56, các điều 81, 82 và 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu của anh Huỳnh Minh K:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Huỳnh Minh K được ly hôn với chị Nguyễn Thị Kiều T.

Về quan hệ con chung: Tiếp tục giao cháu Huỳnh Khánh B cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Anh K không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử miễn xét.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử miễn xét.

- Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Anh Huỳnh Minh K phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 9, Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 4 Điều 147, Điều 175, Điều 177 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 9; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Huỳnh Minh K

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Huỳnh Minh K được ly hôn với chị Nguyễn Thị Kiều T.

2. Về quan hệ con chung: Tiếp tục giao cháu Huỳnh Khánh B cho chị T trực

tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Anh K không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh Huỳnh Minh K có quyền tới lui thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

3. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Anh Huỳnh Minh K phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai T số 0003700 ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa Thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Báo cho các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị đơn chị Nguyễn Thị Kiều T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Tân Hiệp;
- Chi cục THADS huyện Tân Hiệp;
- UBND thị trấn T;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Lê Minh Đạo